

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01/4/2021

V/v: "*Tranh chấp ly hôn*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Lộc

Bà Nguyễn Thị Dung

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đặng Lựu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Trường Viên – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp ly hôn*"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Mai Thị T**; sinh năm: 1988

Trú tại: Thôn Ph-Tr, xã C-Th, huyện Ph-C, tỉnh Bình Định.

* Bị đơn : Anh **Nguyễn Văn N**; sinh năm: 1983

Trú tại: Thôn Ph-Tr, xã C-Th, huyện Ph-C, tỉnh Bình Định.

(*Nguyên đơn chị T có mặt, bị đơn anh N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 18/12/2021 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Mai Thị T trình bày:**

*** Về quan hệ hôn nhân:**

Chị với anh Nguyễn Văn N kết hôn vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, nhưng đến ngày 18/01/2011 chị và anh N mới tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã C-Th, huyện Ph-C, tỉnh Bình Định.

Sau khi kết hôn, đời sống hôn nhân của vợ chồng hạnh phúc bình thường trong khoảng thời gian 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu

làm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do giữa chị và anh N luôn bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên lời qua tiếng lại. Anh N nhiều lần đánh đập chị, nhưng chị tha thứ bỏ qua, vợ chồng tự hòa giải với nhau. Đến năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng tiếp tục xảy ra, mức độ mâu thuẫn lần này rất gay gắt. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N có tính gia trưởng, tiền bạc vợ chồng làm ra chị sử dụng chi tiêu cho những nhu cầu thiết yếu trong gia đình thì anh N bắt chị phải công khai cụ thể, chi tiết cho anh N biết. Khoản chi tiêu nào chị không nhớ, không kê khai cụ thể được thì anh N chửi bới, xúc phạm chị. Thực tế, sau khi xây dựng nhà xong thì phần lớn nguồn tiền thu nhập của vợ chồng dành để trả nợ vay, mượn cho nhiều người, nhưng anh N cho rằng chị sử dụng tiền không đúng mục đích. Từ đó, vợ chồng thường xuyên lời qua tiếng lại. Mỗi lần vợ chồng cãi vã nhau là mỗi lần anh N đánh đập, hành hạ chị. Là người chồng, người cha trong gia đình, nhưng anh N không bao giờ có lời nói, hành động mang tính xây dựng. Anh tự bịa đặt những chuyện không có thực để đem đi bêu riếu chị với bà con hàng xóm, dòng họ. Không chịu đựng được lối sống của anh N, tháng 7/2020 chị gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Phù Cát yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Tòa án đã thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị nhưng anh N không đồng ý ly hôn. Tại Tòa án, anh N nhận thiếu sót và hứa sẽ khắc phục nên chị tự nguyện rút đơn ly hôn để tạo điều kiện cho anh N có cơ hội sửa chữa sai lầm, thiếu sót của mình và Tòa án đã đình chỉ việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, từ khi Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án, anh N sống lạnh nhạt với chị, không quan tâm đến đời sống vợ con. Thậm chí, khi chị bị bệnh phải nhập viện cấp cứu, điều trị nội trú, lẽ ra trong hoàn cảnh này, anh N phải ở nhà nuôi dưỡng, chăm sóc chị thì ngược lại anh tỏ thái độ thờ ơ, vô cảm, lên tàu cá vào vùng biển phía Nam để đánh bắt cá. Anh N còn rêu rao cho bà con hàng xóm rằng, chị bị dương bệnh nhà dưới (bệnh tâm thần), không hề có thiện chí hòa giải để xây dựng hạnh phúc gia đình. Từ năm 2018 đến nay chị và anh N sống trong tình trạng ly thân, mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

* *Về quan hệ con chung*: Giữa chị và anh N có 02 người con chung là cháu Nguyễn Mai Kiều T1; sinh ngày 08/12/2010 và cháu Nguyễn Mai Hoàng T2; sinh ngày 03/4/2013. Hiện nay sức khỏe, thể chất các con đang phát triển bình thường. Vì anh N thường xuyên đi biển nên phần lớn thời gian các cháu ở với chị. Theo nội dung đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai của chị vào ngày 24/12/2020 chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con; yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau khi suy nghĩ kỹ chị thấy rằng, hiện nay các con của chị đang độ tuổi ăn học, rất dễ tổn thương tinh thần khi đề cập đến việc bố mẹ phải ly hôn và khi hỏi nguyện vọng của các con muốn ở với cha hoặc mẹ. Vì vậy, chị xin rút yêu cầu tranh chấp việc nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng. Chị và anh N sẽ

tự thỏa thuận giải quyết với nhau việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

** Về quan hệ tài sản:* Tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng chị không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/02/2021, bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:*

** Về quan hệ hôn nhân:* Anh N thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian và điều kiện kết hôn như trên là đúng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung nhà với cha mẹ ruột của chị T tại thôn Ph-Tr, xã C-Th, huyện Ph-C. Năm 2012 cha mẹ chị T cho vợ chồng anh 01 thửa đất để vợ chồng làm nhà ở riêng, đời sống hôn nhân của vợ chồng anh hạnh phúc bình thường. Đến năm 2018 anh bị bệnh viêm não phải chuyển vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định điều trị. Tại khoa truyền nhiễm Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định, bác sĩ trực tiếp điều trị cho anh nghi ngờ anh bị nhiễm HIV nên thông báo cho anh và người nhà biết về tình trạng bệnh của anh. Sau khi anh được xuất viện, chị nghi ngờ và cho rằng anh có cuộc sống, sinh hoạt không lành mạnh nên dẫn đến nhiễm Virus HIV. Từ đó vợ chồng thường xuyên có lời qua tiếng lại. Đôi lúc không kiềm chế được sự nóng nảy, anh có đánh chị T. Thực tế, sau đó anh đi làm xét nghiệm 02 lần đều cho kết quả âm tính với Virus HIV. Tháng 7/2020 chị T làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh nhưng anh không chấp nhận. Sau đó Tòa án tổ chức hòa giải, động viên chị T rút đơn để vợ chồng được đoàn tụ thì chị T tự nguyện rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Tuy nhiên, từ ngày Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án cho đến nay vợ chồng vẫn sống trong tình trạng lạnh nhạt, một phần nguyên nhân là anh thường xuyên đi làm biển, một phần vì tự ái cá nhân nên vợ chồng chưa cởi mở trong tiếp xúc, sinh hoạt nên vợ chồng chưa có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không hòa giải được và tiếp tục có đơn khởi kiện xin ly hôn.

Mặc dù anh và chị T sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay, nhưng hiện nay bản thân anh vẫn còn thương yêu chị T. Anh nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chưa đến mức phải ly hôn. Nguyên vọng của anh là mong muốn vợ chồng được hòa giải để đoàn tụ, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung. Do vậy, anh không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Nếu chị T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Về quan hệ con chung:* Anh thống nhất toàn bộ lời trình bày của chị T về quan hệ con chung. Nếu ly hôn, anh không tranh chấp việc nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng. Anh với chị T sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

** Về quan hệ tài sản:* Tài sản chung giữa anh và chị T chỉ có duy nhất một

ngôi nhà được xây dựng trên phần đất của cha mẹ chị T tặng cho, đã hoàn tất thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và được UBND huyện Phù Cát cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2014. Nếu ly hôn, nguyện vọng của anh là để ngôi nhà này cho các con có chỗ ở. Hiện nay vợ chồng không nợ nần ai, không ai nợ vợ chồng. Do vậy, anh không tranh chấp tài sản chung của vợ chồng.

Vì điều kiện anh thường xuyên đi biển nên không thể đến Tòa án để giải quyết vụ án. Do vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục vắng mặt.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

** Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án:*

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Mai Thị T cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau:

- Bản sao giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Mai Thị T với anh Nguyễn Văn N đăng ký kết hôn vào ngày 18/01/2011 tại UBND xã C-Th, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định;

- Bản sao chứng minh nhân dân của nguyên đơn chị Mai Thị T;

- Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình do anh Nguyễn Văn N đứng tên chủ hộ;

- Bản sao giấy khai sinh các con chưa thành niên giữa chị Tú và anh N là các cháu Nguyễn Mai Kiều T1 – sinh ngày 08/12/2010 và cháu Nguyễn Mai Hoàng T2 – sinh ngày 03/4/2013.

** Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp:*

Bị đơn anh Nguyễn Văn N không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình.

** Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được:*

- Biên bản ghi lời khai của chị Mai Thị T vào ngày 24/12/2020, ngày 22/01/2021;

- Biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Văn N vào ngày 01/02/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] – Xét về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Mai Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Đây là một trong những tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của chị T được Tòa án chấp nhận.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Văn N hiện đang cư trú tại thôn Ph-Tr, xã C-Th, huyện Phù Cát. Tòa án đã nhiều lần tiến hành tổng Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh N cố ý lẩn tránh, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự - 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung. Bị đơn anh Nguyễn Văn N phải gánh chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] – Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: chị Mai Thị T với anh Nguyễn Văn N kết hôn vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, nhưng đến ngày 18/01/2011 chị T và anh N mới tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã C-Th, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả chị T và anh N đều đáp ứng đầy đủ các điều kiện kết hôn được quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; thẩm quyền đăng ký kết hôn và nghi thức tổ chức đăng ký kết hôn phù hợp với quy định tại các Điều 12, 14 Luật Hôn nhân và gia đình – 2000. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp .

[2.2] Theo nguyên đơn chị Mai Thị T trình bày, sau khi kết hôn, đời sống hôn nhân giữa chị và anh N hạnh phúc bình thường khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh N có hành vi bạo lực gia đình, nhưng chị cố gắng chịu đựng, vợ chồng tự hòa giải với nhau. Đến năm 2018, giữa chị và anh N tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ kinh tế gia đình. Bản thân anh N có tính gia trưởng, tiền bạc vợ chồng làm ra chị sử dụng chi tiêu vào những nhu cầu thiết yếu trong gia đình thì anh N bắt chị phải công khai cụ thể, chi tiết cho anh N biết. Khoản chi tiêu nào chị không nhớ, không kê khai cụ thể được thì anh N chửi bới, xúc phạm chị. Thực tế, sau khi xây dựng nhà xong thì phần lớn nguồn tiền thu nhập của vợ chồng dành để trả nợ vay, mượn cho nhiều người, nhưng anh N cho rằng chị sử dụng tiền không đúng mục đích. Từ đó, vợ chồng thường xuyên lời qua tiếng lại. Mâu thuẫn này kéo dài từ năm 2018 đến tháng 7/2020, nhưng vợ chồng không tự hòa giải với nhau nên chị khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, anh N không chấp nhận ly hôn, Tòa án đã nhiều lần hòa giải, động viên chị tạo điều kiện cho anh N có thời gian sửa chữa sai lầm, thiếu sót. Chị đã tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án số 57/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2020. Tuy nhiên, từ khi Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án cho đến nay, tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện, anh N sống thờ ơ, lạnh nhạt với chị, không quan tâm đến vợ con. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mức độ mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nhưng cả hai không có biện pháp nào để hòa giải, hàn gắn tình cảm nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T vì

cho rằng, anh vẫn còn thương yêu chị T. Nguyên vọng của anh là mong muốn vợ chồng hòa giải để được đoàn tụ. Anh thừa nhận từ khi Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án, tình cảm vợ chồng vẫn chưa được cải thiện, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau bởi một phần nguyên nhân là do anh thường xuyên đi làm biển, một phần vì tự ái cá nhân nên vợ chồng chưa cởi mở trong tiếp xúc, sinh hoạt.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Mai Thị T, ý kiến trình bày của bị đơn anh Nguyễn Văn N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị T, anh N phát sinh mâu thuẫn gay gắt từ năm 2018 và sống ly thân trong khoảng thời gian dài. Đến tháng 7/2020 chị T khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ly hôn với anh N, nhưng sau đó tự nguyện rút đơn nhằm tạo điều kiện để anh N sửa chữa những sai lầm, thiết sót là nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, từ tháng 8/2020 đến nay, giữa anh N và chị T không có thiện chí hòa giải với nhau. Mặc dù anh N không đồng ý ly hôn vì cho rằng, anh vẫn còn thương yêu chị T, anh mong muốn vợ chồng hòa giải để được đoàn tụ, nhưng từ khi Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án cho đến nay, anh N không chủ động hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, có thái độ bỏ mặc, thờ ơ, sống lạnh nhạt với vợ con. Điều này chính bản thân anh N thừa nhận. Do vậy, HĐXX có đủ căn cứ để xác định, đời sống hôn nhân giữa chị T và anh N đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014 nên được HĐXX chấp nhận.

[2.4] Về con chung: Giữa chị T và anh N thống nhất vợ chồng có 02 người con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Mai Kiều T1; sinh ngày 08/12/2010 và cháu Nguyễn Mai Hoàng T2; sinh ngày 03/4/2013. Vì sợ các con bị tổn thương tâm lý khi hỏi về nguyên vọng của con ở với ai sau khi vợ chồng ly hôn nên cả chị T và anh N đều không tranh chấp việc nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.5] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không có tranh chấp nên HĐXX không xem xét giải quyết trong cùng vụ án này.

[3] Về án phí DSST: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV, chị Mai Thị T phải chịu án phí ly hôn.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Nguyễn Văn N lẩn tránh, vắng mặt tại phiên tòa phải gánh chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đồng thời, ý kiến

của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 264, 266, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

[1]- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị T về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

[1.2] Về quan hệ con chung: Các đương sự không tranh chấp việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nên Tòa án không giải quyết.

[1.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2]-Án phí DSST: Chị Mai Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009027 ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

[3]- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Mai Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận tổng đạt trực tiếp hoặc niêm yết công khai hợp lệ bản án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND huyện Phù Cát;
- THADS huyện Phù Cát;
- UBND xã C-Th;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đình Quyền